

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THẮNG BẮC GIANG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TRƯỜNG THẮNG BẮC GIANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: TM TRUONG THANG CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 2400962284

3. Ngày thành lập: 10/05/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 79 Đường Hoàng Quốc Việt tổ Nam Giang 2, Phường Xương Giang, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0928456111

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4530
10.	Bán mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4541
11.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản)	4543
12.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Môi giới thương mại; Trạm cấp xăng dầu nội bộ	4610
13.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620

14.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Mua bán điện thoại, thẻ điện thoại, thẻ sim	4652
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
16.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
17.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
18.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
19.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Mua bán hoá chất, cồn (trừ loại nhà nước cấm) Kinh doanh nguyên phụ liệu ngành dệt may trong nước; Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp	4669
20.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
21.	Khai thác gỗ	0220
22.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
23.	Khai thác quặng sắt	0710
24.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty sản xuất, kinh doanh.	8299
25.	Giáo dục khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Đào tạo nghề may công nghiệp	8559
26.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư đô thị thương mại dịch vụ, khu vui chơi giải trí; Cho thuê lại đất đã xây dựng xong cơ sở hạ tầng; Cho thuê hoặc bán nhà xưởng; Kinh doanh nhà ở (xây dựng, sửa chữa nhà để bán hoặc cho thuê)	6810
27.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
28.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô từ 02 chỗ ngồi trở lên	7710
29.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, đất đồi	0810(Chính)
30.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
31.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản Chi tiết: Mua bán thức ăn gia súc, gia cầm, vật tư nông nghiệp, hàng nông sản	1080
32.	Sản xuất sợi	1311
33.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
34.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
35.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
36.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392

37.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
38.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
39.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
40.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
41.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
42.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
43.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
44.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác Chi tiết: Xuất nhập khẩu gỗ ván ép	1621
45.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
46.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
47.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
48.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
49.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
50.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
51.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
52.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
53.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
54.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
55.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
56.	Bốc xếp hàng hóa (Trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
57.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
58.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
59.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
60.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
61.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
62.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
63.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
64.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan Chi tiết: Sản xuất vàng trang sức mỹ nghệ	3211
65.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
66.	Sản xuất điện	3511
67.	Truyền tải và phân phối điện	3512
68.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
69.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
70.	Thu gom rác thải không độc hại	3811

71.	Thu gom rác thải độc hại	3812
72.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
73.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
74.	Tái chế phế liệu	3830
75.	Xây dựng nhà để ở	4101
76.	Xây dựng nhà không để ở	4102
77.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
78.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi, trang trí nội ngoại thất, xây dựng công trình điện dân dụng, xây lắp đường dây và trạm đến 35 KV	4299
79.	Phá dỡ	4311
80.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
81.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
82.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
83.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
84.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu; Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm kinh doanh vàng miếng)	4773
85.	Đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp phải đáp ứng đầy đủ điều kiện kinh doanh đó trước khi tiến hành hoạt động kinh doanh	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 88.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG	Việt Nam	Thôn Làng Thi, Xã Ngọc Vân, Huyện Tân Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	70.400.000.000	80,000	024096004486	
2	NGUYỄN VĂN THẮNG	Việt Nam	Thôn Đông Lễ, Xã Xương Lâm, Huyện Lạng Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	17.600.000.000	20,000	024085007831	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/01/1996

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024096004486

Ngày cấp: 25/06/2021

Nơi cấp: Cục cảnh Sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Làng Thị, Xã Ngọc Vân, Huyện Tân Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Làng Thị, Xã Ngọc Vân, Huyện Tân Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang